

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 11 - 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/11/2022, Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1980, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1978, có mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày: Bà Mai Thị H với ông Trần Văn T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bnay là huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Bà H thấy đời sống vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho bà H ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1998 và Trần Minh T, sinh năm 2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 1998, đến năm 2000 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B nay là huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân đến tháng 7 năm 2021 thì bà H đi làm ở lại công ty không thường xuyên về nhà, bà H đi làm thì về nhà khuya, ông T nhiều lần khuyên răn nhưng bà H không thay đổi nên ông T có đánh bà H, ông T thấy đời sống vợ mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Nay vợ chồng không thể chung sống không hạnh phúc nên bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết được ly hôn với ông T. Do vẫn còn thương vợ, con nên ông T chưa muốn ly hôn. Tại phiên tòa ông Trần Văn T đồng ý ly hôn với bà Mai Thị H. Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1998 và Trần Minh T, sinh năm 2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Mai Thị H với ông Trần Văn T. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Bà Mai Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T, có nơi cư trú tại: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H,

tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H với ông Trần Văn T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 12 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bnay là huyện H, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 08 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H xác nhận đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua xác minh tại nơi cư trú của bà H, ông T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn T đồng ý ly hôn với bà Mai Thị H đây là sự tự nguyện đương sự nên cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Trần Văn T

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, tự lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

- Về nợ chung: Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Mai Thị H với ông Trần Văn T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 21 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã Tân Khai, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, tự lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xem xét

5. Về nợ chung: Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0014126 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG QUỐC THÀNH